TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Lê Quang Xẹt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Sỹ N, sinh năm 1987 tại T; thường trú: xã H, huyện G, tỉnh Hóa; tạm trú: khu phố 1, phường V, thị xã U, tỉnh D; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Sỹ C và bà Trần Thị P; vợ tên Võ Thị Bích T; bị cáo có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại và có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH S; địa chỉ: khu công nghiệp V, phường V, thị xã U, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông H – Chức danh: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp 1, xã V, thị xã U, tỉnh D; Có mặt

2. Bà Đào Thị Kim P, sinh năm 1997; địa chỉ: Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đ; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Sỹ N làm tổ phó Tổ chế tạo ống tiêm tại Công ty TNHH S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) có trụ sở tại đường 27, khu công nghiệp V, xã V, thị xã U, tỉnh D.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/10/2019 trong lúc đang làm việc tại Công ty S, N nhìn thấy tại kho nguyên liệu của khâu chế tạo ống tiêm có để nhiều bao tải đựng nguyên liệu hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 không có người trông coi nên Nam nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này, N quan sát xung quanh không có người trông coi nên lén lút đi lại lần lượt khiêng 04 bao tải đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 ném qua hàng rào của Công ty S. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi tan ca ra về, N điều khiển xe mô tô biển số 66S1-214.96 của N đi đến bên ngoài tường rào tại vị trí N bỏ 04 bao tải đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707, N để lên xe 03 bao, còn 01 bao bị rách nên N để lại. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển sô 66S1-214.96 chở 3 bao tải đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 đi về phòng trọ. Khi N điều khiển xe đi được khoảng 100m thì bị lực lượng bảo vệ Khu công nghiệp V thuộc xã V, thị xã U, tỉnh D tuần tra phát hiện và bắt giữ N cùng ba bao tải đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707. Sau đó, sự việc được báo và đã bàn giao N cùng ba bao tải đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 cho Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã U. Sau đó, lực lượng Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã Tân U tiến hành thu giữ một bao tải đựng hạt nhựa bị rách do N để lại. Qua làm việc, Nkhai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp bốn bao tải hạt nhựa của Công ty S. Tổng khối lượng 04 bao tải đựng hạt nhựa là 99,7kg.

Tại Kết luận định giá tài sản số 305/KLTS-TTHS ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Uyên kết luận: 99,7kg hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 4.442.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 93/CT-VKSTU ngày 21/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã U, tỉnh D đã truy tố bị cáo Lê Sỹ N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng và cho rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại; có ông ngoại tên Trần Văn T là liệt sỹ được Nhà nước tặng bằng Tổ Quốc Ghi Công, có cha tên Lê Sỹ C được tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và các bằng

khen khác tặng cho ông C; hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ bị cáo đang mang thai tháng thứ 5 và có một con sinh năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Sỹ Nam mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Trả lại cho bị cáo Lê Sỹ N: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Sỹ N số 172696617; 01 giấy phép lái xe tên Lê Sỹ N số Y716897; Bà Võ Thị Bích T có nghĩa vụ nộp số tiền 3.800.000 đồng (Tương đương giá trị ½ chiếc xe biển kiểm soát 66S1-214.96) vào ngân sách nhà nước và đề nghị giao cho bà Thùy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 nhãn hiệu SYM, màu đỏ có số máy VMVTBBD022666, số khung RLGKA12HDAD022666.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Võ Thị Bích T trình bày: Xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 nhãn hiệu SYM, màu đỏ có số máy VMVTBBD022666, số khung RLGKA12HDAD022666 do bà Đào Thị Kim P (sinh năm 1997, địa chỉ: Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đ) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2019, bà P bán lại cho bà Võ Thị Bích T (Vợ của N) nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 14/10/2019, bà T cho N mượn xe mô tô trên để đi làm. Việc N sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện chở tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ thì T hoàn toàn không biết. Bà T yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đào Thị Kim P trình bày: Năm 2019, bà P bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 nhãn hiệu SYM cho bà T và đã bàn giao toàn bộ giấy tờ xe cho bà T nên bà P không còn quyền sở hữu đối với chiếc xe trên nên không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Sỹ N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã U, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã U, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc vắng mặt bị hại Công ty TNHH S do ông H là người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đào Thị Kim P. Xét, việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án vì đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của bị cáo Lê Sỹ N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Tối ngày 14/10/2019, bị cáo Lê Sỹ N có hành vi lén lút lấy 04 bao đựng hạt nhựa ABS, RESIN PA-707 có tổng khối lượng 99,7kg có giá trị là 4.442.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 305/KLTS-TTHS ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Uyên) của Công ty S mang ra khỏi công ty và đang trên đường vận chuyển thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin bãi nại; Có cha tên Lê Sỹ C được tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh H tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và các bằng khen khác tặng cho ông C; Có cậu ruột tên Trần Văn T là liệt sỹ được Nhà nước tặng bằng Tổ Quốc Ghi Công; Có cậu ruột là Trần Văn Đ là Liệt sỹ; Hoàn cảnh gia đình khó khăn do vợ bị cáo đang mang thai tháng thứ 6 và có một con sinh năm 2015; Tài sản phạm tội đã được thu hồi toàn bộ trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm và nhân thân bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và là lao động chính trong gia đình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Lê Sỹ N: Giấy chứng minh nhân dân số 172696617 mang tên Lê Sỹ N và Giấy phép lái xe số Y716897 mang tên Lê Sỹ Nam.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 mà bị cáo N dùng làm phương tiện phạm tội phải bị tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đây là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được nhận lại xe và đồng ý trả cho bị cáo N số tiền 3.800.000 đồng (Tương đương ½ giá trị chiếc xe - Theo Kết luận định giá tài sản số 133/KLĐGTS-TTHS ngày 30/3/2020 giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 là 7.600.000 đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Xét thấy, yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 3.800.000 đồng; Giao cho bà T được toàn quyền định đoạt xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96 nhãn hiệu SYM, màu đỏ có số máy VMVTBBD022666, số khung RLGKA12HDAD022666 và Giấy đăng ký xe mô tô kiểm soát 66S1-214.96.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 46, 47; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, 135; 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Lê Sỹ N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Sỹ N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án (Ngày 13/5/2020).

Giao bị cáo Lê Sỹ N cho Uỷ ban nhân dân phường V, thị xã U, tỉnh D giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

- Võ Thị Bích T có nghĩa vụ nộp 3.800.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho Võ Thị Bích T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Attila SYM màu đỏ biển số 66S1-214.96 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 66S1-214.96.

- Trả lại cho bị cáo Lê Sỹ N: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172696617 mang tên Lê Sỹ Nvà Giấy phép lái xe số Y716897 mang tên Lê Sỹ N.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/5/2020)

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Sỹ N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Vĩnh Tân;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc